

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT**

**HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY**  
**ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng**  
**Mã số: 60.34.02.01**

**TÓM TẮT**  
**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng – Năm 2015**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. VÕ DUY KHƯƠNG**

**Phản biện 1: GS.TS Nguyễn Trường Sơn**

**Phản biện 2: GS.TS Dương Thị Bình Minh**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 04 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động cho vay đầu tư là hoạt động chính của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng. Trong điều kiện kinh tế khó khăn hiện nay thì hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại nói chung, của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng nói riêng đều gặp phải những nguy cơ tiềm ẩn như sự không trung thực của khách hàng, sử dụng vốn vay sai mục đích, khách hàng phá sản hay suy thoái kinh tế dẫn đến suy giảm khả năng trả nợ,... những nguy cơ này đều có thể biến một khoản vay chất lượng cao thành một khoản nợ khó đòi. Đó là chưa kể đến những kẻ hở do hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh gây nên những phiền toái cho khách hàng và Quỹ trong quá trình hoạt động cũng như tạo điều kiện cho những ý đồ xấu của một số khách hàng hay cán bộ tín dụng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Do đó, việc xem xét các rủi ro tín dụng và đưa ra những giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay đầu tư của Quỹ là điều cần thiết hiện nay. Vì vậy tôi chọn đề tài ***“Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng”*** làm luận văn tốt nghiệp Cao học, hy vọng rằng đề tài này sẽ góp phần hỗ trợ công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Từ những đặc điểm khác biệt của hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương, đồng thời vận dụng những lý luận về rủi ro tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại để đưa ra những lý luận về rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương và

nội dung các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

- Đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng những biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư đang thực hiện tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng để rút ra các hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân.

- Trên cơ sở định hướng phát triển của Quỹ nói chung và định hướng hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ nói riêng tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu là các rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư và các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

- Phạm vi nghiên cứu tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2010 - 2014.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Trong quá trình nghiên cứu luận văn sử dụng các phương pháp tổng hợp, so sánh, phân tích thống kê để phân tích, đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

- Luận văn sử dụng chủ yếu nguồn số liệu thứ cấp được công bố bởi các cơ quan quản lý nhà nước và Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng. .

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành 3 chương, cụ thể như sau:

**Chương 1:** Những vấn đề cơ bản về rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương

**Chương 2:** Thực trạng rủi ro tín dụng và hoạt động hạn chế rủi

ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng

**Chương 3:** Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

## **6. Tổng quan tài liệu**

Nhìn chung, vấn đề rủi ro tín dụng trong cho vay và biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đã có nhiều tác giả nghiên cứu, nhưng chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại. Đối với rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư và biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương thì chưa được nghiên cứu nhiều do mô hình Quỹ đầu tư phát triển địa phương còn khá mới ở Việt Nam. Vì vậy công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng là một hướng nghiên cứu mới cả về lý luận và thực tiễn, có khả năng ứng dụng cao cho hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng. Xuất phát từ yêu cầu đó, tác giả đã lựa chọn đề tài: ***“Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng”***.

## **CHƯƠNG 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

#### **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ VÀ CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

##### **1.1.1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

###### **a. Khái niệm**

Quỹ đầu tư phát triển là một tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, do địa phương thành lập nhằm thực hiện chức năng đầu

tư tài chính và đầu tư phát triển. Quỹ đầu tư phát triển có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán và con dấu riêng [3, tr 2]. Quỹ ĐTPTĐP hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn [5, tr 7].

### ***b. Vai trò của Quỹ đầu tư phát triển địa phương***

Quỹ ĐTPTĐP có vai trò là kênh huy động vốn của chính quyền địa phương để phục vụ mục đích đầu tư cho địa phương.

### ***c. Đặc trưng cơ bản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương***

Quỹ ĐTPTĐP là định chế tài chính của địa phương mà nhiệm vụ chủ yếu là công cụ tài chính của địa phương để hỗ trợ cho hoạt động đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố; là định hướng, tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa địa phương.

#### **1.1.2. Cho vay đầu tư**

##### ***a. Khái niệm***

Cho vay đầu tư là một hình thức tín dụng đầu tư của Nhà nước nhằm hỗ trợ cho những dự án đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế thuộc một số ngành, lĩnh vực, chương trình kinh tế lớn của Nhà nước và các vùng khó khăn cần khuyến khích đầu tư, theo chiến lược phát triển kinh tế hàng năm.

Cho vay đầu tư tại Quỹ ĐTPTĐP là cho vay đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được UBND cấp tỉnh ban hành hàng năm hoặc từng thời kỳ đã được HĐND cấp tỉnh thông qua.

##### ***b. Phân loại cho vay đầu tư***

- Căn cứ thời gian cho vay

- Căn cứ nguồn vốn cho vay đầu tư
- Căn cứ theo lĩnh vực đầu tư

***c. Đặc điểm của hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương***

- Khách hàng vay vốn tại Quỹ là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trong địa bàn của địa phương Quỹ đầu tư phát triển được thành lập.

- Mục đích cho vay: chỉ tài trợ chi phí xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị.

- Thời hạn cho vay: trung và dài hạn, không cho vay ngắn hạn.

- Đồng tiền cho vay: bằng tiền Việt Nam.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của Quỹ ĐTPTĐP được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPTĐP và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

**1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

**1.2.1. Rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay đầu tư**

***a. Khái niệm***

Rủi ro tín dụng (RRTD) trong hoạt động ngân hàng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết [12].

Theo Nghị định 37/2013/NĐ-CP thì Ngân hàng nhà nước (NHNN) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPTĐP. Do đó, Quỹ ĐTPTĐP thực hiện cho vay theo quy định tại quy chế cho vay của NHNN, các RRTD mà Quỹ ĐTPTĐP đang đầu cũng tương tự như các RRTD mà các NHTM hiện đang gặp phải. Tuy nhiên, do đặc thù của Quỹ ĐTPTĐP dẫn đến khả năng xảy ra RRTD của Quỹ nhiều hơn so với của NHTM.

***b. Phân loại rủi ro tín dụng***

- Căn cứ nguyên nhân phát sinh rủi ro
- Căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng

***c. Đặc điểm rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay đầu tư***

Hoạt động cho vay đầu tư của Quỹ ĐTPTĐP chủ yếu tập trung vào lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nên tỷ trọng khách hàng của Quỹ ĐTPTĐP trong nhóm đầu tư xây dựng cơ bản chiếm đa số. Khi có thay đổi về chính sách rất dễ dẫn đến RRTD trong cả nhóm khách hàng này, gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động cho vay đầu tư của Quỹ ĐTPTĐP.

RRTD cũng có tính chất đa dạng phức tạp, do hoạt động của các chủ đầu tư vay vốn tại Quỹ rất đa dạng, có thể thuộc nhiều lĩnh vực như y tế, môi trường, giáo dục, giao thông, cấp thoát nước...

RRTD trong hoạt động cho vay đầu tư không chỉ phụ thuộc vào doanh nghiệp vay vốn mà còn phụ thuộc vào chính sách đầu tư của Chính phủ cũng như địa phương nơi có dự án đầu tư.

**1.2.2. Tác động của rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

***a. Đối với Quỹ ĐTPTĐP***

***b. Đối với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương***



***c. Đối với khách hàng***

**1.3. HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

**1.3.1. Những biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư**

***a. Nội dung phòng ngừa khả năng xảy ra RRTD***

- Thẩm định trước khi cho vay
- Giám sát và cưỡng chế thực hiện các điều khoản của hợp đồng tín dụng và kiểm tra mục đích sử dụng khoản vay trong quá trình cho vay
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay, bảo hiểm
- Hạn chế giới hạn cho vay đối với một khách hàng vay vốn
- Đa dạng hóa danh mục cho vay
- Phân loại nhóm nợ và trích lập dự phòng rủi ro cho vay theo đúng quy định

***b. Nội dung xử lý sau khi RRTD xảy ra***

- Cơ cấu lại nợ đối với các khách hàng có khả năng phát triển
- Thanh lý tài sản bảo đảm
- Xử lý từ quỹ dự phòng rủi ro cho vay
- Chuyển giao rủi ro như bán nợ
- Khoanh nợ, xóa nợ
- Khởi kiện

**1.3.2. Tiêu chí đánh giá kết quả hạn chế rủi ro trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

***a. Mức giảm tỉ lệ dư nợ cho vay từ nhóm 2 đến nhóm 5***

Mức giảm		Tỷ lệ dư nợ cho
Tỷ lệ dư nợ cho vay	=	Tỷ lệ dư nợ cho
từ nhóm 2 đến	-	vay từ nhóm 2
nhóm 5	-	đến nhóm 5 kỳ
		(t-1)

Mức giảm tỷ lệ dư nợ cho vay từ nhóm 2 đến nhóm 5 càng cao cho thấy công tác quản trị RRTD đạt hiệu quả tốt và ngược lại.

**b. Biến động trong cơ cấu nhóm nợ**

Biến động trong cơ cấu nhóm nợ là sự thay đổi tỷ trọng của từng nhóm nợ trong tổng dư nợ cho vay của Quỹ ĐTPTĐP. Nếu tỷ trọng các nhóm nợ có rủi ro cao hơn giảm đi có nghĩa là công tác hạn chế RRTD có tiến bộ và ngược lại.

**c. Mức giảm nợ xấu, tỉ lệ nợ xấu**

$$\text{Mức giảm tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Tỷ lệ nợ xấu kỳ } t}{\text{Tỷ lệ nợ xấu kỳ } (t-1)}$$

Mức giảm tỷ lệ nợ xấu là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả công tác hạn chế RRTD của Quỹ ĐTPTĐP. Chỉ tiêu này cho biết chính xác hơn tình hình RRTD của một TCTD khi nó cho biết mức giảm của con số không có khả năng thu hồi của TCTD đó.

**d. Mức giảm tỉ lệ xóa nợ rỗng so với tổng dư nợ cho vay**

$$\text{Mức giảm tỉ lệ xóa nợ rỗng} = \frac{\text{Tỷ lệ xóa nợ rỗng kỳ } t}{\text{Tỷ lệ xóa nợ rỗng kỳ } (t-1)}$$

Mức giảm tỉ lệ xóa nợ rỗng là chỉ tiêu phản ánh mức tổn thất thất sự và đánh giá chính xác hơn RRTD trong cho vay của Quỹ ĐTPTĐP.

**e. Mức giảm tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay**

Nếu thấy sự giảm xuống của chỉ tiêu này cho thấy Quỹ ĐTPTĐP đã hạn chế một cách hiệu quả RRTD và giảm bớt khả năng gánh chịu tổn thất do rủi ro này gây ra.

$$\text{Mức giảm tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay} = \frac{\text{Tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay kỳ } t}{\text{Tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay kỳ } (t-1)}$$

## **1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

### **1.4.1. Nhân tố bên trong**

*a. Chính sách, quy trình tín dụng của Quỹ*

*b. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng xử lý rủi ro cho vay tại Quỹ*

### **ĐTPTĐP**

*c. Đội ngũ cán bộ thẩm định, cán bộ tín dụng*

*d. Hệ thống thông tin tín dụng*

### **1.4.2. Nhân tố bên ngoài**

*a. Nhân tố kinh tế - xã hội*

*b. Nhân tố pháp lý*

*c. Nhân tố chủ quan của khách hàng*

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Trong chương 1 tác giả đã hệ thống hóa được các vấn đề cơ bản về cho vay đầu tư, hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Trọng tâm của chương 1 là nêu bật được đặc thù của Quỹ ĐTPTĐP trong hoạt động cho vay đầu tư, nội dung về rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư và tác động của rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ ĐTPTĐP, các biện pháp và tiêu chí đánh giá hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ ĐTPTĐP, các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư của Quỹ ĐTPTĐP.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG RỦI RO TÍN DỤNG VÀ HOẠT ĐỘNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

#### 2.1. TỔNG QUAN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

##### 2.1.2. Chức năng nhiệm vụ của Quỹ

##### 2.1.3. Cơ cấu tổ chức

##### 2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010-2014

###### *a. Kết quả hoạt động huy động vốn*

Hoạt động huy động vốn tăng trưởng qua các năm, tốc độ tăng trưởng trung bình 211. Tính đến 31/12/2014 Quỹ đã huy động được 297,03 tỷ đồng, chiếm 37% vốn hoạt động của Quỹ, trong đó vốn huy động WB là 163,33 tỷ đồng và vốn huy động AFD là 133,7 tỷ đồng.

###### *b. Kết quả hoạt động đầu tư*

➤ **Hoạt động cho vay:** Hoạt động cho vay của Quỹ trong thời gian qua chủ yếu là cho vay đầu tư đã góp phần bổ sung kịp thời các nguồn vốn để thúc đẩy việc đầu tư, phát triển các dự án phát triển kết cấu hạ tầng và kinh tế xã hội trên địa bàn. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động cho vay còn có một số hạn chế nhất định về số lượng dự án còn ít, tiến độ giải ngân vốn vay chậm, thủ tục phê duyệt các dự án đầu tư kéo dài, đối tượng cho vay chưa phù hợp, chưa thực hiện cho vay hợp vốn...

➤ **Hoạt động đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp**

Với quy mô nguồn vốn và nhân lực có hạn, đến cuối năm 2014

Quỹ vẫn chưa có dự án đầu tư trực tiếp nào được triển khai. Đối với hoạt động góp vốn, Quỹ đã được UBND thành phố giao quản lý phần vốn góp của nhà nước đầu tư vào 04 doanh nghiệp với tổng vốn góp đến cuối năm 2014 là 49.926 triệu đồng. Hầu hết các đơn vị này khi nhận chuyển giao năm 2008, 2009 hoạt động kinh doanh đều lỗ nhưng đến năm 2010 đã cơ bản ổn định và có chuyển biến tích cực.

#### ➤ **Hoạt động đầu tư khác**

##### *c. Hoạt động nhận ủy thác*

Hoạt động nhận ủy thác gồm có nhận ủy thác cho vay từ vốn ngân sách thành phố và nhận ủy thác nghiệp vụ của Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng. Nhìn chung hoạt động nhận ủy thác của Quỹ mới phát triển mạnh từ năm 2013 đến 2014, nguồn thu từ hoạt động này cũng không đáng kể nhưng lại sử dụng rất nhiều nhân lực của Quỹ.

##### *d. Kết quả tài chính*

#### ➤ **Nguồn vốn hoạt động**

Quy mô vốn hoạt động của Quỹ tăng nhanh qua các năm, từ 236 tỷ đồng năm 2008 tăng lên 322,068 tỷ đồng năm 2010 và 796,980 tỷ đồng vào cuối năm 2014 (gấp hơn 3 lần so với năm 2008), trong đó vốn chủ sở hữu đạt 499,950 tỷ - chiếm 63% tổng vốn hoạt động và vốn huy động từ các tổ chức quốc tế đạt 297,030 tỷ đồng - chiếm 37% tổng vốn hoạt động. Như vậy, nguồn vốn của Quỹ đã được bảo toàn và phát triển qua các năm.

#### ➤ **Kết quả hoạt động kinh doanh**

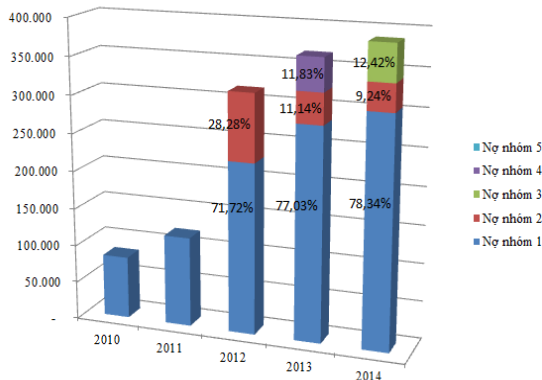
Kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ giai đoạn 2011 - 2014 được đánh giá khá tốt, các chỉ tiêu tổng doanh thu, chi phí và lợi nhuận tỷ lệ thuận với nhau và tăng mạnh qua các năm. Tuy nhiên, nhìn chung cơ cấu doanh thu của Quỹ chưa đa dạng, chủ yếu tập trung vào doanh thu cho vay và doanh thu lãi tiền gửi

## 2.2. THỰC TRẠNG RỦI RO TÍN DỤNG VÀ HOẠT ĐỘNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 2.2.1. Tình hình rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010 - 2014

#### a. Biến động trong cơ cấu nhóm nợ

Tỷ trọng các nhóm nợ có sự thay đổi trong 5 năm, năm 2010 đến 2011 chỉ có nợ nhóm 1, năm 2012 xuất hiện nợ nhóm 2, đến 2013 tuy tỷ trọng nợ nhóm 2 giảm từ 28,28% xuống còn 11,14% nhưng tỷ trọng nợ nhóm 4 lại tăng lên, xuất hiện nợ xấu. Qua năm 2014 tình hình có khả quan hơn, không còn nợ nhóm 4 nhưng xuất hiện nợ nhóm 3.



**Biểu đồ 2.6. Tình hình dư nợ cho vay đầu tư của Quỹ theo nhóm nợ giai đoạn 2010 – 2014**

#### b. Tình hình nợ xấu trong cho vay đầu tư của Quỹ

Qua thống kê trên ta thấy nợ quá hạn trong cho vay đầu tư tại Quỹ bắt đầu xuất hiện từ năm 2012 đến năm 2014. Tuy nhiên tỷ lệ này có xu hướng giảm dần từ năm 2012 đến 2014; Tỷ lệ nợ xấu cho vay đầu tư của Quỹ qua các năm cho thấy chất lượng tín dụng của

Quỹ từ năm 2010 - 2012 là đảm bảo nhưng bắt đầu từ năm 2013 đến 2014 có xu hướng tăng dần; mức trích dự phòng rủi ro cũng tăng qua các năm 2010 – 2013 và giảm vào năm 2014.

**Bảng 2.5. Tình hình nợ xấu trong cho vay đầu tư tại Quỹ giai đoạn 2010 – 2014**

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
1	Dư nợ cho vay	91.606	130.090	322.364	421.342	486.247
	Cho vay đầu tư	82.606	119.090	315.364	365.242	387.613
2	Nợ quá hạn	-	-	54.022	15.000	5.833
	Tỷ lệ %	-	-	16,76	3,56	1,20
	Cho vay đầu tư	-	-	54.022	15.000	4.533
	Tỷ lệ %	-	-	17,13	4,11	1,17
3	Nợ xấu	-	-	-	43.217	48.146
	Nợ xấu cho vay đầu tư	-	-	-	43.217	48.146
4	Tỷ lệ nợ xấu	-	-	-	10,26	9,90
	Tỷ lệ nợ xấu cho vay đầu tư	-	-	-	11,83	12,42
5	Dư nợ không có TSĐB	33.393	33.560	121.523	129.664	101.288
	Tỷ lệ %	36,45	25,80	37,70	30,77	20,83
	Cho vay đầu tư	24.393	22.560	114.523	129.664	58.754
	Tỷ lệ %	29,53	18,94	36,31	35,50	15,16
6	Mức trích dự phòng rủi ro	4.182	976	4.182	13.607	3.721
	Tỷ lệ trích DPRR	4,56	0,75	1,30	3,23	0,77
	Trích DPRR cho vay đầu tư	4.114	893	4.129	13.187	2.916
	Tỷ lệ trích DPRR cho vay đầu tư	4,98	0,75	1,31	3,61	0,75

(Nguồn: tổng hợp báo cáo thường niên của Quỹ giai đoạn 2010 – 2014)

## **2.2.2. Những biện pháp đã thực hiện để hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng**

### ***a. Hoạt động phòng ngừa RRTD trong cho vay***

- Thẩm định trước khi cho vay
- Giám sát và cưỡng chế thực hiện các điều khoản của hợp đồng tín dụng và kiểm tra mục đích sử dụng khoản vay trong quá trình cho vay
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay
- Hạn chế giới hạn cho vay đối với một khách hàng vay vốn
- Đa dạng hóa danh mục cho vay
- Phân loại nợ và trích lập dự phòng

### ***b. Hoạt động xử lý sau khi RRTD xảy ra***

- Cơ cấu lại nợ đối với các khách hàng có khả năng phát triển
- Thanh lý tài sản bảo đảm, xử lý từ Quỹ dự phòng rủi ro cho vay, bán nợ, khoan nợ, xóa nợ, khởi kiện

## **2.2.3. Đánh giá kết quả đạt được của hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng**

Các chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ dư nợ cho vay từ nhóm 2 đến nhóm 5 và mức giảm tỷ lệ nợ xấu của Quỹ đều giảm dần từ năm 2012 đến 2014, mức giảm tỷ lệ nợ xấu giảm cho biết mức tăng của con số không có khả năng thu hồi nợ của Quỹ, phản ánh sự quan tâm của Quỹ đến chất lượng các khoản vay và công tác hạn chế RRTD chưa đạt được hiệu quả như mong đợi.

Mức giảm tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay của Quỹ cũng giảm từ năm 2011 đến năm 2013 và tăng nhẹ vào năm 2014 nhờ Quỹ đã có biện pháp thu hồi nợ đối với khách hàng có dư nợ thuộc nhóm 4 và



điều chỉnh hạ nhóm nợ cho khách hàng. Và từ khi thành lập đến nay Quỹ cũng chưa để xảy ra tình trạng xóa nợ rỗng nào, đây cũng là một điều đáng phát huy đối với công tác hạn chế rủi ro tín dụng tại Quỹ.

**Bảng 2.6. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ giai đoạn 2010 – 2014**

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2011 /2010	2012 /2011	2013 /2012	2014 /2013
1	Mức giảm tỷ lệ dư nợ cho vay từ nhóm 2 đến nhóm 5	0	28,28	(5,31)	(1,32)
2	Mức giảm tỷ lệ nợ xấu	0	0	11,83	0,59
3	Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng	0	0	0	0
4	Mức giảm tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay	0	0,56	2,30	(1,67)

(Nguồn: tổng hợp báo cáo thường niên của Quỹ giai đoạn 2010 – 2014)

Nhìn chung, công tác hạn chế rủi ro tín dụng tại Quỹ đã được thực hiện theo đúng quy định nhưng chưa đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên Quỹ đã và đang từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình về thẩm định, cho vay, quy chế xử lý rủi ro; Công tác thẩm định dự án không ngừng được nâng cao về chất lượng và rút ngắn thời gian thẩm định đối với từng dự án; chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát trong quá trình giải ngân cho vay, theo dõi dự án cũng được nâng cao; tạo điều kiện cho cán bộ Quỹ được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn cũng như đào tạo dài hạn để nâng cao năng lực công tác.

## **2.2.4. Những vấn đề hạn chế và nguyên nhân**

### **a. Những vấn đề hạn chế**

*Thứ nhất*, cơ chế quản lý điều hành còn thiên về quản lý hành

chính, phân công nhiệm vụ chồng chéo, chưa phân định rạch ròi về quyền hạn, trách nhiệm trong quá việc thực hiện cho vay và phòng ngừa, quản lý rủi ro tín dụng, chưa xác định rõ trách nhiệm của cán bộ gây ra tổn thất.

*Thứ hai*, việc chấp hành các quy định về cho vay, quản lý rủi ro chưa được chặt chẽ.

*Thứ ba*, chất lượng các một số dự án hiện nay của Quỹ đang thực hiện cho vay chưa cao, nhiều dự án tập trung vào một vài doanh nghiệp, dẫn đến khả năng rủi ro cao khi doanh nghiệp đó gặp vấn đề về thanh khoản.

*Thứ tư*, hoạt động cho vay đầu tư của Quỹ được thực hiện trong trung và dài hạn, nhưng giá trị TSBĐ khi thực hiện trích lập dự phòng rủi ro cho vay cụ thể vẫn được xác định theo giá trị ban đầu từ khi ký hợp đồng thế chấp.

*Thứ năm*, chất lượng đội ngũ nhân viên của Quỹ chưa đồng đều, thiếu kinh nghiệm trong hoạt động của Quỹ.

### ***b. Nguyên nhân***

#### **➤ Nguyên nhân chủ quan**

- Các quy định về cho vay và công tác hạn chế RRTD tại Quỹ chưa được hoàn thiện.

- Hệ thống thông tin tín dụng chưa đầy đủ.

- Ý thức trách nhiệm và trình độ cán bộ còn nhiều hạn chế.

#### **➤ Nguyên nhân khách quan**

- Nền kinh tế có nhiều biến động, kinh tế thế giới gặp khủng hoảng đã ảnh hưởng rất nhiều đến kinh tế trong nước và có tác động xấu đến gần như toàn bộ nền kinh tế.

- Môi trường pháp lý chưa đồng bộ, thiếu ổn định và chưa thuận lợi cho hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ

- Phần lớn các dự án đầu tư hạ tầng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, ít sự lựa chọn dẫn đến không tránh khỏi việc tiếp nhận cả các dự án không hiệu quả.

- Quỹ ĐTPĐP không có hệ thống thanh toán như ở các ngân hàng, không quản lý được dòng tiền của dự án.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Đề tài đã đi sâu phân tích thực trạng hoạt động của Quỹ nói chung và thực trạng hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay đầu tư tại Quỹ nói riêng, nêu ra các nội dung và tiêu chí đánh giá công tác hạn chế RRTD trong cho vay đầu tư tại Quỹ. Bên cạnh những kết quả đạt được trong hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay đầu tư tại Quỹ ĐTP thành phố Đà Nẵng, đề tài đã rút ra một số hạn chế trong hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay đầu tư của Quỹ ĐTP thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, nghiên cứu phân tích tìm ra nguyên nhân là bước quan trọng đề ra các giải pháp khắc phục trong hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến.

**CHƯƠNG 3**  
**GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG**  
**TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ**  
**PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2015 – 2020**

**3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2020**

**3.1.2. Định hướng phát triển của Quỹ đầu tư phát triển thành phố đến năm 2020**

*a. Mục tiêu phát triển chung*

*b. Định hướng phát triển*

**3.1.3. Định hướng hạn chế RRTD trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng**

**3.2. GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**3.2.1. Xây dựng chính sách cho vay phù hợp**

- Định hướng đối tượng khách hàng
- Giới hạn cho vay
- Điều kiện vay vốn

**3.2.2. Nâng cao chất lượng thẩm định dự án**

- Cần thu thập thông tin từ nhiều nguồn, phân tích các thông tin tài chính và phi tài chính về khách hàng và dự án ngoài thông tin do khách hàng cung cấp, chú ý kiểm tra về tư cách của người đứng đầu doanh nghiệp vì thiện chí trả nợ của doanh nghiệp phụ thuộc vào

thiện chỉ trả nợ của chủ doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp vay vốn.

- Xây dựng phần mềm thẩm định dự án để có thể tính toán các dữ liệu một cách nhanh chóng, rút ngắn thời gian thẩm định, tránh sai sót trong tính toán.

### **3.2.3. Thực hiện cho vay đúng theo quy trình cho vay của Quỹ**

- Xây dựng mẫu hợp đồng tín dụng có tư vấn của luật sư để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Quỹ.

- Kiểm tra kỹ nội dung hợp đồng tín dụng, xây dựng kế hoạch trả nợ linh hoạt hơn theo yêu cầu của khách hàng.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ giải ngân, nếu có điều chỉnh cần yêu cầu khách hàng giải thích và có điều chỉnh.

### **3.2.4. Tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng**

- Thực hiện nguyên tắc chỉ giải ngân vốn vay cho bên thứ ba, hạn chế giải ngân trực tiếp cho khách hàng vay vốn, vì khách hàng có khả năng sử dụng sai mục đích, gây ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra định kỳ tình hình tài chính của khách hàng và tiến độ thực hiện dự án.

- Kiểm tra dòng tiền của dự án bằng cách liên kết với một hoặc một số ngân hàng để yêu cầu khách hàng mở tài khoản tại ngân hàng đó, dòng tiền của dự án sẽ thông qua tài khoản này để Quỹ có thể giám sát được dòng tiền dự án và có phương án xử lý rủi ro khi xuất hiện dấu hiệu bất thường.

- Định kỳ 6 tháng Quỹ thực hiện định giá lại TSBD để đảm bảo giá trị TSBD không quá chênh lệch so với giá trị thị trường, gây thất thoát cho Quỹ nếu xảy ra trường hợp thanh lý TSBD.

- Kiểm soát thường xuyên các khoản vay lớn vì việc không tuân thủ hợp đồng tín dụng của các khách hàng này có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Quỹ.

- Thiết lập mô hình kiểm tra chéo giữa các cán bộ tín dụng để luân phiên giám sát các khoản tín dụng của nhau.

- Tăng cường vai trò của Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát hoạt động của cán bộ tín dụng xem có thực hiện đúng quy định hay không.

### **3.2.5. Sử dụng các công cụ bảo hiểm và bảo đảm tiền vay**

- Yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm công trình hoặc bảo hiểm tài sản để bảo đảm quyền lợi của Quỹ khi có rủi ro xảy ra; liên kết với một hoặc một số công ty bảo hiểm có uy tín, phù hợp với yêu cầu của Quỹ và yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm này, hạn chế các rủi ro khi khách hàng cố ý điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm gây bất lợi cho Quỹ.

- Hạn chế cho vay tín chấp, cần phải đảm bảo tỷ lệ tài sản thế chấp theo đúng quy định. Đồng thời xác định giá trị tài sản thế chấp chính xác, tránh gây tổn thất cho Quỹ khi định giá tài sản cao hơn giá thị trường.

### **3.2.6. Xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức có chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp**

- Đối với nhân viên mới: đào tạo nghiệp vụ kèm theo hướng dẫn của nhân viên cũ trong thời gian thử việc, đồng thời khi tiếp nhận lao động sau thời gian thử việc phải quy định thêm về thời gian học việc là 6 tháng để đảm bảo chất lượng nhân viên được đồng đều khi bắt tay vào làm việc chính thức.

- Đối với nhân viên hiện tại: xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ, định kỳ hằng năm tổ chức kiểm tra nghiệp vụ để đánh giá năng lực

làm việc của cán bộ nhân viên.

- Sinh hoạt nghiệp vụ theo định kỳ, tổ chức hội thảo về các vấn đề phát sinh từ thực tiễn khi vận dụng văn bản, kiểm tra quy trình nghiệp vụ.

- Tạo điều kiện cho cán bộ Quỹ được tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn, huấn luyện về kỹ năng giao tiếp,...

- Thường xuyên rà soát, đánh giá và phân loại cán bộ để có hướng đào tạo, bổ sung kịp thời tránh trường hợp nơi thừa, nơi thiếu.

- Có chế độ khen thưởng, phụ cấp định kỳ hợp lý đối với cán bộ có công hiến và đem lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ.

- Xử lý nghiêm khắc để làm gương đối với những hành vi vi phạm quy chế, quy trình nghiệp vụ gây tổn thất cho Quỹ.

### **3.2.7. Quản lý nợ có vấn đề và tăng cường công tác thu hồi vốn**

- Cần áp dụng nhiều biện pháp xử lý thu hồi nợ linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng như bán TSBD, khai thác cho thuê tài sản, sử dụng tài sản để góp vốn với doanh nghiệp khác...

- Đối với TSBD dễ chuyển nhượng: đơn đốc khách hàng rao bán trên thị trường để nhanh chóng thu hồi nợ.

- Đối với TSBD khó chuyển nhượng: Quỹ phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các thủ tục thanh lý theo quy định hiện hành nhằm thu hồi nợ vay nhanh chóng.

- Đối với TSBD đã được tòa án phán quyết: Quỹ chủ động phối hợp với các cơ quan thi hành án để nghị nhận tài sản và xử lý.

### **3.2.8. Hoàn thiện các quy chế, quy trình liên quan đến xử lý rủi ro trong cho vay**

- Hoàn thiện quy chế xử lý rủi ro, xây dựng quy trình xử lý rủi ro.

- Xây dựng kho dữ liệu chung về thông tin khách hàng và hệ thống xếp hạng khách hàng nếu có điều kiện.

### **3.3. KIẾN NGHỊ**

#### **3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ và Bộ Tài chính**

#### **3.3.2. Kiến nghị đối với UBND thành phố Đà Nẵng**

#### **3.3.3. Kiến nghị đối với Lãnh đạo Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng**

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng và định hướng phát triển của Quỹ ĐTPT Đà Nẵng đến năm 2020, cũng như định hướng về hoạt động cho vay đầu tư của Quỹ trong thời gian đến, đề tài đưa ra một số giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng. Các giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư đã được tác giả đưa ra trong chương này gồm xây dựng chính sách cho vay phù hợp, nâng cao chất lượng thẩm định dự án, thực hiện cho vay đúng theo quy trình cho vay tại Quỹ, tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng, sử dụng các công cụ bảo hiểm và bảo đảm tiền vay, xây dựng đội ngũ CBVC có chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, quản lý nợ có vấn đề và tăng cường công tác thu hồi nợ, hoàn thiện các quy chế, quy trình liên quan đến xử lý rủi ro trong cho vay đều có ý nghĩa thực tiễn cao, nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng. Nếu được vận dụng và thực hiện đồng bộ sẽ giảm thiểu rủi ro tổn thất cho Quỹ, nâng cao chất lượng tín dụng và từng bước vững chắc hướng đến mục tiêu phát triển đến 2020 của Quỹ Đầu tư phát triển Đà Nẵng và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.



## KẾT LUẬN

Hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng đã hỗ trợ các doanh nghiệp có nguồn vốn trung dài hạn với lãi suất thấp để thực hiện các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thành phố. Tuy nhiên với tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng gặp nhiều khó khăn, suy giảm khả năng trả nợ gây ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng tín dụng của Quỹ, tiềm ẩn nhiều rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của Quỹ. Trong thời gian qua Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng đã thực hiện các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ khá thành công, tuy nhiên cũng khó tránh khỏi những hạn chế nhất định.

Trên cơ sở sử dụng tài liệu tham khảo và nguồn số liệu thực tế của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng và phương pháp nghiên cứu thích hợp, đề tài đã hoàn thành được những nội dung chủ yếu sau:

*Một là*, hệ thống lại cơ sở lý luận chung về cho vay đầu tư, rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư và biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

*Hai là*, đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng, từ đó rút ra những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế, tìm ra nguyên nhân hạn chế trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

*Ba là*, đề xuất một số giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng, đồng thời kiến nghị đề xuất với nhà nước, địa phương và lãnh đạo cơ quan nhằm hạn

chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, do mô hình hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP có những đặc thù so với các NHTM, cơ sở lý luận về hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP còn thiếu thốn, và những hạn chế nhất định nên đề tài chỉ tập trung nghiên cứu chủ yếu mô hình Quỹ đầu tư phát triển địa phương, chưa mở rộng nghiên cứu thêm về các Quỹ đầu tư nước ngoài vì các Quỹ này không có cùng mục đích hoạt động. Trong phạm vi nghiên cứu, luận văn đã đề xuất những biện pháp cơ bản nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ một cách thiết thực, có ý nghĩa thực tiễn. Bên cạnh đó, do kiến thức còn hạn chế nên Luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong Quý Thầy Cô chỉ dẫn và đóng góp thêm để luận văn được hoàn chỉnh hơn.